TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 3 - 2025
"V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kia.

2. Ông Trần Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2024 "Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Trung T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc S trình bày: Ngày 30/11/2010, chị Trần Thị Ngọc S và anh Huỳnh Trung T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Đến năm 2023, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện nay vợ chồng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Về con chung: Chị S và anh T có 01 con chung là Huỳnh Trung K, sinh ngày 01/11/2011, chị S yêu cầu được nuôi cháu K, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Huỳnh Trung T, mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc S yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Trung T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A. Bị đơn anh Huỳnh Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc S và anh Huỳnh Trung T có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị S và anh T đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Tổ dân phố 2 và Ủy ban nhân dân phường T đã có xác nhận về tình trạng mâu thuẫn của chị S và anh T. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng anh T không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị S vẫn cương quyết ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh T.

[3] Về con chung: Chị S và anh T có một con chung là Huỳnh Trung K, sinh ngày 01/11/2011. Chị S có nguyện vọng nuôi cháu K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, cháu K cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị S có khả năng lao động để nuôi con nên cần giao cho chị S nuôi dưỡng cháu K, chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc S.

- *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị Ngọc S được ly hôn với anh Huỳnh Trung T.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Trần Thị Ngọc S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Trung K, sinh ngày 01/11/2011, khi cháu K chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị S không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0013319 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai; chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (14/3/2025), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND phường A, TX. A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.